

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HS-ST
Ngày 21/08/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng
2. Bà Trịnh Trần Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn Tr (Ốc L), sinh năm 1990; Nơi cư trú Ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo Không; Trình độ học vấn 7/12; Nghề nghiệp: Làm thuê con ông Phạm Văn G, sinh năm 1966 và Bà Phạm Kim Th, sinh năm 1970; có vợ tên Lê Thị H, sinh năm 1993, có 02 con, lớn 9 tuổi và nhỏ 5 tuổi.

Tiền án, tiền sự : Không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Phan Anh D, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ 8, khóm H, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đào Văn Đ, sinh năm: 1955; địa chỉ: xã D, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Thanh H1, sinh năm: 1983; địa chỉ: ấp T, xã K, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng:

Bà Lê Thị Ng.

Bà Phạm Kim Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết nhau từ trước, ngày 13/01/2019, Phạm Văn Tr sử dụng xe mô tô biển số 63K1 – 7035, đến ở nhờ tại nhà của Phan Anh D thuộc tổ 08, khóm H, phường P, thành phố D, tỉnh An Giang. Khoảng 17 giờ ngày 20/01/2019, Tr hỏi mượn xe mô tô hiệu wave anpha, biển số 66V1 – 542.20 của D để đi lấy tiền công làm phụ hồ, D đồng ý. Ngay sau khi lấy tiền phụ hồ xong, Tr nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của D, Tr điều khiển xe mô tô đến khu vực ngã tư đường Núi thuộc khóm 7, phường Châu Phú A bán cho người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 4.000.000 đồng. Số tiền bán xe của D, Tr tiêu xài cá nhân hết và bỏ trốn đến thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và đến tỉnh Vĩnh Long để tránh sự phát hiện của D. Đến ngày 29/01/2019, Tr đến Công an huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp đầu thú về hành vi chiếm đoạt xe mô tô của D. Còn Phan Anh D đến Công an giao nộp 01 xe mô tô biển số 63K1 – 7035, xe màu nâu, số máy LC150FMG01651005, đã qua sử dụng do Phạm Văn Tr bỏ lại tại nhà Phan Anh D.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 150/KL-ĐG ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, ghi nhận: 01 xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave anpha màu đen – bạc, biển số 66V1 – 542.20, có giá 12.000.000 đồng.

Ngày 16/4/2019, Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc ban hành Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can Phạm Văn Tr về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tại Cáo trạng số 58/CT-VKS-CD ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Phạm Văn Tr về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị hại Phan Anh D khai, do bị cáo Tr quen biết với em bị hại D nên Anh D cho ở nhờ để đi phụ hồ. Khoảng 17 giờ ngày 20/01/2019, Tr hỏi mượn xe mô tô hiệu Wave anpha, biển số 66V1 – 542.20 của D để đi lấy tiền công làm phụ hồ. Do xe bị cáo Tr không có đèn nên D đồng ý cho mượn. Nhưng bị cáo Tr điều khiển xe đi không quay trở về, Tr còn bỏ lại xe mô tô tại nhà Anh D. Xe của bị hại D đang mua trả góp được 07 tháng nên chưa có giấy chứng nhận đăng ký xe. Nay Anh D yêu cầu bồi thường giá trị xe mô tô bị Tr chiếm đoạt theo giá trị đã được định giá 12.000.000 đồng.

Ông Đào Văn Đ khai, ông có mua xe mô tô vào ngày 30/7/2001 biển số 63K1-7035 do ông Đức đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe, nhãn hiệu Dream cao, hiệu JINHAO, màu sơn nâu. Xe này ông Đức đã cho con rể tên Nguyễn Thanh H1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên, nghe ông H1 nói xe này đã mất trộm trước Tết Nguyên đán năm 2019.

Ông Nguyễn Thanh H1 khai: Ông là chủ sở hữu xe mô tô biển số 63K1 – 7035, ông H1 bị mất trộm vào trước Tết nguyên đán 2019, tại xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Nay biết chiếc xe này bị cáo Tr đang điều khiển nên ông H1 yêu cầu được nhận lại xe và xử lý người trộm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người làm chứng tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Văn Tr thuộc thành phần nhân dân lao động; hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, thành khẩn khai báo, đầu thú nên xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc khác, vào tháng 11 năm 2017, bị cáo có hành vi chiếm đoạt xe mô tô của anh Ngô Võ Thành Tâm nhãn hiệu Wave S màu đen xám, biển số 67B1-027.92 tại thành phố Long Xuyên, An Giang, hiện nay đang bị truy tố và bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Long Xuyên chờ xử lý. Năm 2019, bị cáo lại tiếp tục thực hiện chiếm đoạt tài sản xe mô tô của anh Phan Anh D. Chính vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần thuộc điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại Phan Anh D. Do đó, công nhận sự tự nguyện của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại D giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt là 12.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô 63K1-7035 đang được cơ quan chức năng xem xét trong vụ án khác, đề nghị chuyển cơ quan điều tra Công an huyện Bền Lức – Long An tiếp tục làm rõ, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với đối tượng mua xe mô tô của Tr, cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 175, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr 09 (chín) tháng tù đến 01 (Một) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng,

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Đào Văn Đ, Ông Nguyễn Thanh H1; Người làm chứng Bà Phạm Kim Th vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tuy nhiên, những người tham gia tố tụng này đã có lời khai thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

Hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung vụ án,

[1] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của bị cáo, bị hại, người làm chứng đến vụ án tại phiên tòa với các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 02/4/2019; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú ngày 29/01/2019; Biên bản tạm giữ phương tiện ngày 07/4/2019; Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 150/KL-ĐG ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, ghi nhận: 01 xe mô tô hiệu Honda, số loại Wave anpha màu đen – bạc, biển số 66V1 – 542.20, có giá 12.000.000 đồng là phù hợp nhau về thời gian, diễn biến sự việc, hành vi mà bị cáo đã thực hiện và khai nhận tại phiên tòa cùng lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, từ đó có đủ căn cứ xác định:

Được sự tin tưởng của Anh D, sau khi anh D cho mượn xe đi lấy tiền công phụ hồ xong, do thời điểm gần Tết Nguyên đán, bị cáo Tr cần tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô, biển số 66V1 – 542.20 của Anh D. Do không có giấy chứng nhận đăng ký xe nên bị cáo Tr bán lại cho người thanh niên không rõ họ tên với giá 4.000.000 đồng, để lấy tiền tiêu xài, sau đó đi Long Xuyên, Vĩnh Long, Cần Thơ để né tránh sự theo dõi. Đến ngày 29/01/2019, bị cáo Tr đi đến

Công an huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp đầu thú về hành vi chiếm đoạt xe mô tô của Anh Ngô Võ Thanh Tâm tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và xe của anh Phan Anh D.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lợi dụng sự tin tưởng của Anh D cho mượn xe đi lấy tiền công phụ hồ, sau khi lấy tiền công xong không trả lại xe mà nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo Tr thực hiện hành vi với lỗi cố ý nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác nên đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đối với hành vi mà bị cáo đã thực hiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Qua kết luận định giá của Hội đồng định giá, tài sản là chiếc xe biển số 66V1 – 542.20 có giá trị sử dụng còn lại là 12.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Viện Kiểm sát về việc áp dụng quy định khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Văn Tr.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân,

Tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người trưởng thành, đang trong độ tuổi lao động nhưng lại ham mê cờ bạc nên đã bất chấp pháp luật, lợi dụng sự tin tưởng của người khác để lừa dối, chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân, gây hoang mang trong nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu. Ngày 31/7/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp kết án 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", ngày 04/5/2010, chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; Ngày 06/7/2011, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp kết án 02 năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", ngày 13/01/2013, chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; Ngày 01/02/2019, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Thành phố Long Xuyên khởi tố, tạm giam về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang để chờ xử lý.

Từ đó thấy rằng ý thức bị cáo là xem thường pháp luật, cho nên cần thiết phải xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội cùng những thông tin khác liên quan đến vụ án. Điều này cho thấy bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động, bị cáo đã đến Công an huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp đầu thú về hành vi chiếm đoạt tài sản của mình. Do đó, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, bị cáo cũng có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên thuộc điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt:

Hình phạt chính:

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự nên có xem xét áp dụng trong khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

Hình phạt bổ sung:

Bị cáo thuộc thành phần lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015, tại phiên tòa bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 12.000.000 đồng và bị cáo đồng ý. Cho nên cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại Phan Anh D số tiền là 12.000.000 đồng.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô 63K1-7035 đang được cơ quan chức năng xem xét trong vụ án khác, chuyển cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiếp tục làm rõ, xử lý theo thẩm quyền, theo Công văn số 700/CV-CA ngày 13/6/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng mua xe mô tô của Tr, cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Tr (Ốc L) phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

[1] Xử phạt Phạm Văn Tr (Ốc L) 01 (Một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Phạm Văn Tr được tính vào hình phạt chung khi bản án được tổng hợp với các bản án đã có hiệu lực pháp luật khác.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584, 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015, buộc bị cáo Phạm Văn Tr có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Phan Anh D số tiền 12.000.000 đồng.

[3] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Đối với xe mô tô 63K1-7035 đang được cơ quan chức năng xem xét trong vụ án khác, chuyển cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức – Long An tiếp tục làm rõ, xử lý theo thẩm quyền.

[4] Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Văn Tr phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Ngọc Hà